



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

SVC SVC SVC SVC SVC S
SVC SVC SVC SVC SVC SVC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang kết thúc vào ngày 31/12/2018 .

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Trần Văn Lắm	Chủ tịch Công ty
- Ông Võ Trung Dũng	Giám đốc
- Ông Lý Thanh Đan	Phó Giám đốc
- Ông Lê Cẩm Bình	Phó Giám đốc
- Ông Ngô Vũ Hải	Phó Giám đốc

Ông Trần Văn Lắm được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Công ty kể từ ngày 09/01/2018 theo Quyết định số 36/QĐ- UBND ngày 09/01/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang thay cho Ông Tô Thiện Hữu do đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ. Thời gian bổ nhiệm là 5 năm kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm. Theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600190393 đăng ký lần đầu ngày 18/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Ông Trần Văn Lắm là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ông Võ Trung Dũng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/10/2018 theo Quyết định số 28/QĐ.XS ngày 01/10/2018 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang thay cho Ông Trần Văn Lắm. Ông Trần Văn Lắm được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 12/10/2016 đến ngày 30/09/2018. Thời gian bổ nhiệm cho Ông Võ Trung Dũng là 5 năm kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm.

Ông Lê Cẩm Bình được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 16/04/2018 theo Quyết định số 06/QĐ.XS ngày 16/04/2018 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang. Thời gian bổ nhiệm kể từ ngày ký quyết định cho đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Ông Ngô Vũ Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/09/2018 theo Quyết định số 21/QĐ.XS ngày 01/09/2018 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang. Thời gian bổ nhiệm cho Ông Ngô Vũ Hải là 5 năm kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm.

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Huỳnh Công Thọ	Kiểm soát viên chuyên trách

Trong năm tài chính 2018, không có sự thay thành viên Kiểm soát viên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64C, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, Công ty có một Trạm phát hành vé số Kiến thiết An Giang đặt tại số 152 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các loại hình xổ số;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này chỉ bao gồm hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	747.268.531.676 VND
- Lợi nhuận khác	1.282.811.338 VND
- Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế toán	748.551.343.014 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	149.887.016.002 VND
- Lợi nhuận sau thuế	598.664.327.012 VND

Các thông tin khác

Doanh thu thuần năm 2018 tăng so với năm 2017 số tiền 452.813.059.197 đồng, tương đương 15,28%. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 tăng so với năm 2017 là 213.607.596.713 đồng, tương đương 39,93%.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty Xổ số kiến thiết.

Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết theo Thông tư số 168/2009/TT – BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

An Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2019


GIÁM ĐỐC

VÕ TRUNG DŨNG



Số: 03/2019/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công Ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang ("Công ty") được lập ngày 04 tháng 01 năm 2019 từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

5779
HINH
NGT
KIEM
AO
NG

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết theo Thông tư số 168/2009/TT – BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2018-107-1
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ
Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Trần Phương Yên
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2016-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2018	01-01-2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.362.720.453.637	885.910.975.736
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	380.482.490.309	179.551.550.161
1. Tiền	111		123.955.611.809	46.724.616.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		256.526.878.500	132.826.934.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.7	734.600.724.500	498.245.038.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121		734.600.724.500	498.245.038.500
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	238.884.247.357	203.267.277.973
1. Phải thu khách hàng	131		207.027.301.741	180.822.465.640
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	138		40.893.075.472	31.480.942.189
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.036.129.856)	(9.036.129.856)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	6.543.607.645	3.329.378.284
1. Hàng tồn kho	141		6.543.607.645	3.329.378.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	2.209.383.826	1.517.730.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.134.783.826	1.483.071.939
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		74.600.000	34.658.879
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.733.495.561	270.459.104.765
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		2.712.439.311	5.776.376.632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.377.629.311	1.990.266.632
- Nguyên giá	222		10.196.866.148	10.062.257.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.819.236.837)	(8.071.990.425)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	1.334.810.000	3.786.110.000
- Nguyên giá	228		1.536.483.800	3.987.783.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.673.800)	(201.673.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.7	11.569.756.250	264.635.375.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		31.206.725.000	283.206.725.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.636.968.750)	(18.571.350.000)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.451.300.000	47.353.133
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.451.300.000	47.353.133
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.379.453.949.198	1.156.370.080.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	thuyết minh	31-12-2018	01-01-2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		879.453.949.198	656.370.080.501
I. Nợ ngắn hạn	310		879.453.949.198	656.370.080.501
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		12.000.000	2.600.000
3. Người mua trả tiền trước	313		280.090.908	461.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	738.780.827.063	530.984.234.482
5. Phải trả người lao động	315		6.129.831.629	7.291.165.629
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	1.032.143.980	1.330.343.055
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	V.11	129.652.209.000	112.467.953.400
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.12	3.566.846.618	3.832.783.935
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		500.000.000.000	500.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	500.000.000.000	500.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.379.453.949.198	1.156.370.080.501

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - XS

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		31-12-2018	01-01-2018
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Vé xổ số nhận bán hộ		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.14	2.519.664.587	2.159.664.587
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		1.953.731.077	2.115.988.444
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	V.14	290.626.157.500	268.382.090.000
5. Ngoại tệ các loại			
6. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		90.000.000.000	89.163.000.000

NGƯỜI LẬP



LÊ THÀNH TRÍ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LƯU THỊ HUỲNH PHƯỢNG

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2019

GIÁM ĐỐC



VÕ TRUNG DŨNG

57750
HINH
NG TY
EM TO
AO VI
NG-TP

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Mẫu số : B 02 - XS

Đơn vị tính: VND

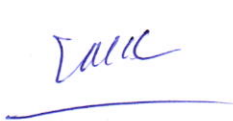
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	3.928.854.818.189	3.408.119.800.050
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		3.928.854.818.189	3.408.119.800.050
1.1.1 Xổ số truyền thống	01.1.1		3.928.854.818.189	3.408.119.800.050
1.2 Doanh thu kinh doanh khác	01.2		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	512.459.324.133	444.537.365.191
2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		512.459.324.133	444.537.365.191
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		512.459.324.133	444.537.365.191
2.2 Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.0		-	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.1	3.416.395.494.056	2.963.582.434.859
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		3.416.395.494.056	2.963.582.434.859
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		3.416.395.494.056	2.963.582.434.859
3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		-	-
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.2	2.658.306.020.250	2.415.959.970.131
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		2.658.306.020.250	2.415.959.970.131
4.1.1 Chi phí trả thường	11.1.1		1.961.617.300.000	1.820.636.200.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		696.688.720.250	595.323.770.131
4.2 Giá vốn hàng hóa, sản phẩm dịch vụ đã bán	11.2		-	-
5. Lợi nhuận gộp	20		758.089.473.806	547.622.464.728
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		758.089.473.806	547.622.464.728
5.2 Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp DC	20.2		-	-
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	52.853.291.730	62.697.047.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.065.618.750	18.690.254.110
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	118.904.110
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	27.547.196.363	30.925.536.363
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	35.061.418.747	27.499.249.552
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		747.268.531.676	533.204.472.419
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.523.047.833	1.908.068.427
12. Chi phí khác	32	VI.8	240.236.495	168.794.545
13. Lợi nhuận khác	40		1.282.811.338	1.739.273.882
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	748.551.343.014	534.943.746.301
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	149.887.016.002	107.364.128.260
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	598.664.327.012	427.579.618.041

NGƯỜI LẬP



LÊ THÀNH TRÍ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LƯU THỊ HUỖNH PHƯỢNG

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2019

GIÁM ĐỐC



VÕ TRUNG DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2018**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.296.626.035.713	3.745.957.930.293
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.647.904.009.938)	(2.419.409.011.220)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.904.891.240)	(20.062.440.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(118.904.110)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(123.798.518.055)	(126.897.931.168)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	493.428.524.793	421.212.783.220
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.432.054.639.696)	(1.237.384.828.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	562.392.501.577	363.297.597.681
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(134.609.091)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	1.255.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(543.000.000.000)	(603.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	558.648.318.000	1.094.308.164.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.083.227.231	74.901.629.245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	58.596.936.140	566.864.793.245
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(500.000.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	10.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(10.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(420.058.497.569)	(433.671.169.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(420.058.497.569)	(933.671.169.718)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	200.930.940.148	(3.508.778.792)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	179.551.550.161	183.060.328.953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	380.482.490.309	179.551.550.161

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



LÊ THÀNH TRÍ



LƯU THỊ HUỲNH PHƯƠNG



VÕ TRUNG DŨNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết An Giang là Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600190393 đăng ký lần đầu ngày 18/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2018 là 500.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64C đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, Công ty có một Trạm phát hành vé số Kiến thiết An Giang đặt tại số 152 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các loại hình xổ số;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này chỉ bao gồm hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 168/2009/TT – BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành. Trong năm tài chính 2018, Công ty không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, cuối năm tài chính 2018, Công ty không có số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ, căn cứ vào tuổi nợ và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Nhập trước – Xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc thiết bị	06 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 06 năm
- Dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- TSCĐ vô hình (Phần mềm kế toán)	Đã khấu hao hết

6. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu và quyết định phân chia lợi nhuận. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi giảm giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày đầu tư và các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT – BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài Chính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

9. Ghi nhận chi phí tiền lương

Tổng quỹ lương thực hiện của Công ty trong năm được thực hiện như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện của Viên chức quản lý được trích lập theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 27/2016/TT – BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.
- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được trích lập theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 26/2016/TT – BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

10. Ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng

Trong năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm 31/12/2018 bằng 3% tổng doanh thu có thuế theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ – CP ngày 13/11/2017 của Chính Phủ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc. Trong năm tài chính 2018, Công ty không phát sinh khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ .

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là giá bìa của tổng số vé tiêu thụ trong năm trừ đi thuế GTGT theo thuế suất 10%.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2018, Công ty không phát sinh thuế TNDN hoãn lại.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Số dư đầu kỳ

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	252.876.106	76.099.410
Tiền gửi ngân hàng	123.702.735.703 (a)	46.648.516.751
Các khoản tương đương tiền	256.526.878.500 (b)	132.826.934.000
Cộng	380.482.490.309	179.551.550.161

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2018 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam, CN Hàm Nghi	50.316.630.120
- Ngân hàng TMCP Phương Đông, CN An Giang	31.955.220.057
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam, CN An Giang	18.791.484.648
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh An Giang	10.425.213.388
- Các ngân hàng khác	12.214.187.490
Cộng	123.702.735.703

(b) Số dư các khoản tương đương tiền vào ngày 31/12/2018 là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
Phải thu khách hàng	207.027.301.741 (c)	180.822.465.640
Các khoản phải thu khác	40.893.075.472 (d)	31.480.942.189
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(9.036.129.856) (e)	(9.036.129.856)
Cộng	238.884.247.357	203.267.277.973

(c) Số dư các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31/12/2018 là nợ phải thu các đại lý tiêu thụ vé số cho Công ty. Trong đó, nợ phải thu khó đòi tính đến ngày 31/12/2018 là 5.979.856.

(d) Chi tiết số dư khoản phải thu khác vào ngày 31/12/2018 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Công ty CPXDTM&DV Ngọc Hầu	9.030.150.000	9.030.150.000
- Công ty TNHH MTV Chứng khoán NH Đông Á	25.000.000	-
- Công ty TNHH TMDL và Sự kiện IDO	180.000.000	-
- Dự thu lãi đầu tư từ tiền nhàn rỗi của Cty	31.657.925.472	-
Cộng	40.893.075.472	9.030.150.000

(e) Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2018 như sau:

	Nợ khó đòi	Số trích lập dự phòng
- Đại lý Âu Sáng Minh	5.979.856	5.979.856
- Công ty CPXDTM&DV Ngọc Hầu	9.030.150.000	9.030.150.000
Cộng	9.036.129.856	9.036.129.856

Toàn bộ nợ khó đòi nêu trên đều trên 3 năm, mức trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính là 100%.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.036.129.856	9.076.129.856
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(40.000.000)
Số cuối năm	<u>9.036.129.856</u>	<u>9.036.129.856</u>

3. Hàng tồn kho

<i>Khoản mục</i>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.756.479.621 (f)	1.865.401.184
Hàng hóa tồn kho	524.463.728 (g)	129.457.018
Vé xổ truyền thống	1.262.664.296 (h)	1.334.520.082
Cộng	<u>6.543.607.645</u>	<u>3.329.378.284</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho vào ngày 31/12/2018 là giá trị giấy in vé số Công ty đang gửi kho Công ty Cổ phần In An Giang và Công ty TNHH Phát Tài.

(g) Hàng hóa tồn kho vào ngày 31/12/2018 là giá trị hàng hóa quảng cáo và quà tặng khách hàng.

(h) Đây là chi phí công in và giá trị giấy xuất kho in vé truyền thống chờ phát hành cho kỳ vé kế tiếp.

4. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Khoản mục</i>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.134.783.826 (i)	1.483.071.939
Tài sản ngắn hạn khác	74.600.000 (j)	34.658.879
Cộng	<u>2.209.383.826</u>	<u>1.517.730.818</u>

(i) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn vào ngày 31/12/2018 như sau:

<i>Chi tiết</i>	<u>Số tiền</u>
- Chi phí in Lịch năm 2019 chờ phân bổ	1.069.958.454
- Chi phí đồng phục CB - NV 2019 chờ phân bổ	268.000.000
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	770.983.629
- Chi phí bảo hiểm năm 2019 chờ phân bổ	25.841.743
Cộng	<u>2.134.783.826</u>

(j) Đây là số dư nợ tạm ứng của cán bộ công nhân viên.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
Nguyên giá	10.062.257.057	134.609.091	-	10.196.866.148
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.811.710.324	-	-	5.811.710.324
- Máy móc thiết bị	603.330.235	134.609.091	-	737.939.326
- PT vận tải, TB truyền dẫn	3.269.634.090	-	-	3.269.634.090
- Thiết bị quản lý	377.582.408	-	-	377.582.408
Hao mòn lũy kế	8.071.990.425	747.246.412	-	8.819.236.837
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.840.628.741	113.268.000	-	4.953.896.741
- Máy móc thiết bị	587.875.155	15.455.080	-	603.330.235
- PT vận tải, TB truyền dẫn	2.265.904.121	618.523.332	-	2.884.427.453
- Thiết bị quản lý	377.582.408	-	-	377.582.408
Giá trị còn lại	1.990.266.632			1.377.629.311
- Nhà cửa, vật kiến trúc	971.081.583			857.813.583
- Máy móc thiết bị	15.455.080			134.609.091
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.003.729.969			385.206.637
- Thiết bị quản lý	-			-

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2018 như sau:

	Số tiền
- Lắp mái che di động	83.700.000
- Mua bàn họp	50.909.091
Cộng	134.609.091

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
Nguyên giá	3.987.783.800	-	2.451.300.000	1.536.483.800
- Quyền sử dụng đất	3.786.110.000	-	2.451.300.000	1.334.810.000
- Phần mềm kế toán	201.673.800	-	-	201.673.800
Hao mòn lũy kế	201.673.800	-	-	201.673.800
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	201.673.800	-	-	201.673.800
Giá trị còn lại	3.786.110.000			1.334.810.000
- Quyền sử dụng đất	3.786.110.000			1.334.810.000
- Phần mềm kế toán	-			-

Chi tiết tài sản cố định vô hình giảm trong năm 2018 như sau:

	Số tiền
- Chuyển giá trị Quyền sử dụng đất sang chi phí chi phí trả trước DH	2.451.300.000
Cộng	2.451.300.000

Công ty đã chuyển giá trị quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công ty số 62C, 64B, 64C sang chi phí trả trước dài hạn theo Công văn số 6210/VPUBND – KTTH ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh An Giang.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.329.017.058

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Khoản mục	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	883.071.972.500	962.295.878.000	854.240.247.500	991.127.603.000
- Đầu tư TC ngắn hạn khác	883.071.972.500	962.295.878.000	854.240.247.500	991.127.603.000 (k)
Đầu tư tài chính dài hạn	12.635.375.000	(1.065.618.750)	-	11.569.756.250
- Đầu tư dài hạn khác	31.206.725.000	-	-	31.206.725.000 (l)
- Dự phòng giảm giá ĐTDH	18.571.350.000	1.065.618.750	-	19.636.968.750 (m)
Cộng	895.707.347.500	961.230.259.250	854.240.247.500	1.002.697.359.250

(k) Chi tiết số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào ngày 31/12/2018 như sau:

Đơn vị	Số tiền
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3T – Các khoản tương đương tiền	256.526.878.500
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3T đến 12T – Các khoản đầu tư ngắn hạn	734.600.724.500
Cộng	991.127.603.000

(l) Chi tiết số dư các khoản đầu tư dài hạn khác vào ngày 31/12/2018 như sau:

	Số tiền
- Công ty Afifex (l1)	30.706.725.000
- Công ty CP In Phát Tài (l2)	500.000.000
Cộng	31.206.725.000

(l1) Công ty đầu tư vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (Afifex) 30.706.725.000 đồng để sở hữu 3.018.750 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng, nắm giữ tương đương 8,63% vốn điều lệ.

Theo văn bản số 311/KH – UBND ngày 31/05/2017 về kế hoạch điều chỉnh, bổ sung danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020 của UBND tỉnh An Giang, Công ty phải thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đã đầu tư nêu trên trong Quý 3/2018. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa thoái vốn được.

(l2) Công ty đầu tư vào Công ty CP In Phát Tài 500.000.000 đồng để sở hữu 50.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng, nắm giữ tương đương 2,76% vốn điều lệ.

Trong năm 2018, các kỳ phiếu thế chấp của đại lý được Công ty theo dõi ở tài khoản ngoại bằng số tiền 290.626.157.500. Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn nêu trên là từ vốn nhàn rỗi của Công ty. Lãi đầu tư từ vốn nhàn rỗi này phát sinh năm 2018 đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

(m) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào ngày 31/12/2018 như sau:

	Giá trị đầu tư	Số trích lập dự phòng	Giá trị thị trường
- Công ty Afifex	30.706.725.000	19.636.968.750	11.069.756.250
- Công ty CP In Phát Tài	500.000.000	-	500.000.000
Cộng	31.206.725.000	19.636.968.750	11.569.756.250

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với Công ty Afix được dựa vào giá giao dịch niêm yết trên thị trường chứng khoán. Riêng đối với Công ty CP In Phát Tài, dựa vào Báo cáo tài chính năm 2017 để làm căn cứ phân tích xác định khoản thiệt hại về đầu tư.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.571.350.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.065.618.750	18.571.350.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	19.636.968.750	18.571.350.000

8. Tài sản dài hạn khác

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí trả trước dài hạn	2.451.300.000 (n)	47.353.133
Cộng	2.451.300.000	47.353.133

(n) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn vào ngày 31/12/2018 như sau:

Chi tiết	Số tiền
- Chi phí thuê đất chờ phân bổ	2.451.300.000
Cộng	2.451.300.000

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối kỳ
Phải nộp	530.984.234.482	1.779.848.725.623	1.572.052.133.042	738.780.827.063
- Thuế giá trị gia tăng	27.721.610.042	389.480.424.012	386.576.239.031	30.625.795.023
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	36.202.071.938	512.459.324.133	508.401.934.413	40.259.461.658
- Thuế TNDN	36.477.505.171	149.887.016.002	123.798.518.055	62.566.003.118
- Thu nhập sau thuế PNNS	420.058.497.569	594.883.702.012	420.058.497.569	594.883.702.012
- Thuế TNCN	10.524.549.762	132.915.516.994	132.994.201.504	10.445.865.252
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	219.742.470	219.742.470	-
- Các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	530.984.234.482	1.779.848.725.623	1.572.052.133.042	738.780.827.063

10. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.032.143.980 (o)	1.330.343.055
Cộng	1.032.143.980	1.330.343.055

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(o) Chi tiết số dư các khoản phải trả ngắn hạn khác vào ngày 31/12/2018 như sau:

Chi tiết	Số tiền
- Thẻ chấp đảm bảo chào hàng cạnh tranh	78.253.000
- Phải trả các khoản đóng góp xã hội của CBCNV	195.660.000
- Phải trả khác	758.230.890
Cộng	1.032.143.890

11. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
- Dự phòng rủi ro trả thưởng	129.652.209.000 (p)	112.467.953.400
Cộng	129.652.209.000	112.467.953.400

(p) Đây là khoản Công ty trích dự phòng rủi ro trả thưởng theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ.

12. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
- Quỹ khen thưởng CBCNV	1.817.737.375	2.388.258.375
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	368.833.000	1.125.801.560
- Quỹ phúc lợi	1.380.276.243	318.724.000
Cộng	3.566.846.618	3.832.783.935

Các Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ – CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ.

13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	-	500.000.000.000	500.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế CPP	-	427.579.618.041	427.579.618.041	-
Cộng	1.000.000.000.000	427.579.618.041	927.579.618.041	500.000.000.000

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế CPP	-	600.148.077.012	600.148.077.012	-
Cộng	500.000.000.000	600.148.077.012	600.148.077.012	500.000.000.000

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng trong năm 2018 như sau:

Chi tiết	Số tiền
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018	598.664.327.012
- Điều chỉnh giảm quỹ lương CB - NV năm 2017	1.187.000.000
- Điều chỉnh giảm quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2017	296.750.000
Cộng	600.148.077.012

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trong năm 2018 như sau:

Chi tiết	Số tiền
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi CBCNV	4.346.250.000
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	443.375.000
- Nộp thu sau thuế TNDN	594.883.702.012
- Điều chỉnh tăng quỹ lương kiểm soát viên năm 2017	422.000.000
- Điều chỉnh tăng quỹ Khen thưởng Ban điều hành năm 2017	52.750.000
Cộng	600.148.077.012

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	31/12/2018	01/01/2018
Nợ khó đòi đã xử lý	2.519.664.587	2.519.664.587
- Vương Kim Sự	283.580.012	283.580.012
- Nguyễn Ngọc Ảnh	274.822.742	274.822.742
- Lê Văn Cường	395.194.000	395.194.000
- Các đối tượng khác	1.566.067.833	1.566.067.833
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	290.626.157.500	268.382.090.000

Tài sản giấy tờ có giá nhận thế chấp là các sổ tiết kiệm đại lý thế chấp kỳ hạn nợ cho Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu có thuế – giá bia	4.321.740.300.000	3.748.931.780.000
- Trừ: Thuế GTGT phải nộp	392.885.481.811	340.811.979.950
Thuế TTĐB phải nộp	512.459.324.133	444.537.365.191
Doanh thu thuần	3.416.395.494.056	2.963.582.434.859

2 Chi phí kinh doanh

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí trả thưởng vé số truyền thống	1.961.617.300.000	1.820.636.200.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	696.688.720.250	595.323.770.131
Chi phí hoa hồng đại lý	648.255.816.000	562.336.380.000
Chi phí ủy quyền trả thưởng	2.031.175.400	1.777.029.600
Chi phí phục vụ xổ số	856.161.003	727.045.189
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát...	741.025.844	630.410.937
Chi phí phòng chống số đề	198.212.500	203.200.000
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	17.184.255.600	4.215.724.200
Chi phí công in giấy	26.305.528.449	24.317.434.749
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.056.545.454	1.056.545.456
Chi phí đóng góp cho HDXS khu vực	60.000.000	60.000.000
Cộng	2.658.306.020.250	2.415.959.970.131

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3 Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu lãi từ đầu tư và tiền gửi không kỳ hạn	51.736.692.230	62.627.047.716
- Thu nhập từ đầu tư góp vốn	1.116.599.500	70.000.000
Cộng	52.853.291.730	62.697.047.716

4 Chi phí tài chính

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí lãi vay	-	118.904.684
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.065.618.750	18.571.350.000
Cộng	1.065.618.750	18.690.254.684

5 Chi phí hàng bán

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí tuyên truyền, quảng cáo	4.234.286.408	4.617.405.684
- Chi tài trợ giáo dục	10.904.989.955	9.708.500.000
- Chi tài trợ làm nhà cho người nghèo	12.280.000.000	16.550.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	127.920.000	49.630.679
Cộng	27.547.196.363	30.925.536.363

6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	23.138.887.386	20.577.231.180
- Chi phí đồ dùng văn phòng	371.854.495	152.652.135
- Chi phí khấu hao TSCĐ	747.246.412	907.493.677
- Thuế, phí, lệ phí	232.244.262	222.742.470
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.164.229.457	761.408.216
- Chi phí bằng tiền khác	9.406.956.735	4.877.721.874
Cộng	35.061.418.747	27.499.249.552

7 Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu tiền từ dịch vụ cung cấp kết quả xổ số	767.454.546	522.447.091
- Thu tiền bán giấy vụn	465.691.847	585.545.454
- Thu nhập từ thanh lý, hóa giá TSCĐ, CCDC	8.143.636	252.486.342
- Thu từ thanh hủy vé hộ các Công ty xổ số	244.136.365	198.627.270
- Thu nhập khác	37.621.439	348.962.270
Cộng	1.523.047.833	1.908.068.427

8 Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi thanh hủy vé hộ các Công ty bạn	204.900.000	168.440.000
- Chi phí khác	35.336.495	357.545
Cộng	240.236.495	168.797.545

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018	748.551.343.014
Trừ:	1.116.599.500
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Phát Tài	60.037.000
Lợi nhuận được chia từ Công ty Aflix	1.056.562.500
Cộng	2.000.336.495
Các khoản chi không được trừ	1.235.336.495
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	765.000.000
Lợi nhuận tính thuế	749.435.080.009
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2018	149.887.016.002
Lợi nhuận sau thuế TNDN	598.664.327.012
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2017 (&)	1.009.000.000
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	443.375.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.346.250.000
- Lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách	594.883.702.012
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2018	-

(&) Đây là khoản điều chỉnh giảm Quỹ lương và Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản quyết toán lương số 05/BB.XDĐGTL ngày 21/06/2018 của Hội đồng tiền lương tỉnh An Giang

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): Không có

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: không có

3. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

4. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2018, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang	An Giang	Đầu tư góp vốn
Công ty CP In Phát Tài	An Giang	Đầu tư góp vốn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang	Đầu tư dài hạn khác	30.706.725.000
Công ty CP In Phát Tài	Đầu tư dài hạn khác	500.000.000

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang	Lãi từ đầu tư	1.056.562.500
Công ty CP In Phát Tài	Lãi từ đầu tư	60.037.000
	Tiền công in vé số	9.465.950.560
	Trả tiền công in vé số	9.465.950.560

Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

LÊ THÀNH TRÍ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LƯU THỊ HUỲNH PHƯỢNG

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2019

GIÁM ĐỐC

VÕ TRUNG DŨNG

